

LỄ HỘI ĐÌNH XUÂN NUNG CỦA NGƯỜI CAO LAN TẠI XÃ XUÂN LƯƠNG, HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

NGUYỄN THẨM THU HÀ

Cũng như các dân tộc khác trên thế giới, lễ hội cổ truyền của các tộc người ở Việt Nam đã có từ lâu đời. Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hoá độc đáo của cộng đồng, là nhu cầu tình cảm, tinh thần không thể thiếu của nhân dân. Mỗi lễ hội thường có một lịch sử riêng gắn với tên tuổi của một nhân vật được dân làng tổ chức lễ hội tôn vinh thờ tự.

Ở mỗi lễ hội ra thường có những giây phút cộng cảm giữa dân làng tổ chức lễ hội với du khách đến dự hội. Lễ hội là món ăn tinh thần cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong đời sống cộng đồng. Lễ hội được lưu truyền trực tiếp qua nhiều thế hệ nên nó trở thành một mạch ngầm nối liền quá khứ, hiện tại và tương lai.

Lễ hội là nơi thể hiện những nét văn hoá truyền thống của dân tộc, là nơi hun đúc và tạo nên tâm hồn và khí phách của dân tộc. Lễ hội đình Xuân Nung là một trong những lễ hội như thế, ẩn chứa những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Cao Lan.

Hiện nay đã có một số cuốn sách về người Cao Lan như: *Văn hoá Cao Lan* của Lâm Quý (2004), *Văn hoá truyền thống người Cao Lan* của Nguyễn Thịnh, Phú Ninh (1999). Các công trình đó đã khái quát nguồn gốc, những nét văn hoá đặc trưng của người Cao Lan, trong đó có lễ hội. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu hệ thống về lễ hội của dân tộc Cao Lan. Chỉ có một số tác phẩm, báo

cáo về hội đình của người Cao Lan nhưng vẫn còn sơ lược như: *Di sản văn hoá Bắc Giang, Bước đầu tìm hiểu các truyền thống văn hoá dân tộc của Bảo tàng Bắc Giang* (2005), *Lễ hội Bắc Giang những vấn đề cần bảo tồn và phát triển* của Lê Trung Vũ (2005), *Báo cáo về lễ hội của các dân tộc Bắc Giang* của Trần Linh Quý (2003), *Báo cáo khảo sát khu di tích đình làng Xuân Nung* của Hoàng Minh Hồng (2005).

Ngoài ra, còn các bài viết về hát sinh ca Cao Lan của người Cao Lan trong lễ hội như: *Sinh ca Cao Lan gắn với thần tượng thơ ca Lầu Slam* của Ninh Văn Độ, *Sinh ca Cao Lan đêm hát thứ nhất* của Lâm Quý (2003), *Dân ca Cao Lan* của Phương Bằng (1981). Đây là những bài viết đi sâu tìm hiểu hình thức hát dân ca của người Cao Lan trong hội đình.

Bài viết này sẽ đề cập sâu hơn những nghi thức, nghi lễ, trò chơi, trò diễn diễn ra trong lễ hội của làng Xuân Nung để góp phần tìm hiểu văn hoá của người Cao Lan.

Vài nét về đình Xuân Nung

Xuân Lương là một xã vùng cao, nằm ở phía Tây Bắc huyện Yên Thế (tỉnh Bắc Giang), cách trung tâm huyện 15km. Phía Tây giáp xã Hạp Tiến, huyện Đông Hy; phía Bắc giáp xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; phía Nam giáp xã Tam Tiến; phía Đông giáp xã Canh Nậu, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Ở Xuân Lương hiện nay còn lưu giữ một số di tích khá phong phú và đặc sắc như: Chùa Mơ (ở Bản Mơ), đình làng Trên (Bản Trên), đình chùa Na Lu (Bản Na Lu), đền Giếng (Làng Dưới)... Trong đó, tiêu biểu hơn cả là ngôi đình Xuân Nung thuộc làng Xuân Nung.

Đình Xuân Nung nằm giữa làng Xuân Nung thuộc xã Xuân Lương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Đình nhìn hướng chính nam. Đây là một công trình văn hoá của nhân dân địa phương được lưu truyền từ đời này qua đời khác trong suốt 2 thế kỷ qua. Trải qua bao biến cố lịch sử, thời gian và bị thiên nhiên tàn phá nhưng dân làng Xuân Nung vẫn luôn gắn bó với quần thể di tích đình chùa Xuân Nung. Họ coi đây là mảnh trời thiêng liêng của Thần và Phật, là chốn đi về của tổ tiên... Vì thế họ gìn giữ quần thể di tích này từ đời này qua đời khác. Qua các triều đại phong kiến và các cuộc xâm lược của ngoại bang, đến nay ý chí tinh thần của họ đã trở thành truyền thống đấu tranh bám đất giữ làng, kiên cường dũng cảm. Truyền thống đó đã được khắc sâu trong ký ức tình cảm của mỗi người dân trong làng cũng như của cộng đồng làng thông qua biểu tượng của ngôi đình.

Ngày nay, toàn bộ công trình đình làng Xuân Nung nằm trên khu đất công rộng 1.592m². Phía sau đình tiếp giáp với trường học và xung quanh bao bọc bởi các sườn núi được phủ kín những khu dân cư. Nhìn ra xa hơn, phía Bắc và Đông Bắc là đèo Ngà và thác Tiên. Phía Tây và Tây Bắc là vòng cung Bắc Sơn tiếp giáp với đỉnh cao nhất của giải Thương Luông, nơi tạo thành dòng suối Ven mềm mại chảy về hồ suối Ven, cung cấp nước cho 4 bản thuộc khu làng Xuân Nung trừ phủ.

Đình Xuân Nung được coi là ngôi đình cổ của huyện Yên Thế với kiến trúc tương đối độc đáo. Phía trước là sân đình rộng 200m², nền đình cao hơn mặt sân là 35cm. Đình có 3 gian 2 chái và 1 chuỗi võ, kiến trúc theo kiểu Trụ Già Chiêng hạ kẻ bảy, phần trên có 2 nóc và 6 mái lợp ngói Thổ Hà, chịu lực bằng 26 chiếc cột lớn, chân kê bằng đá xanh vuông vức.

Trong đình, phần hậu cung là toàn bộ ngai thờ bài vị của thần hoàng làng. Bên ngoài là bộ kiệu cổ trạm trổ tinh tế. Đặc biệt trên bàn thờ của đình hiện còn giữ nguyên hợp sắc năm Khải Định thứ 9 phong đình thờ hai vị Đại Vương Cao Sơn và Quý Minh.

Hai bên đầu hồi của đình là ban thờ dành cho các vị thần tiên bối được mời về dự mỗi khi có công việc hội lễ của làng. Ngoài ra, đình còn có dàn trống chiêng để dùng cho mở hội vật võ của dân làng vào các dịp đầu xuân năm mới.

Nhân dân làng Xuân Nung phụng thờ hai vị Đại Vương Cao Sơn, Quý Minh, được phong là thành hoàng làng. Hàng năm, dân làng tổ chức lễ hội dâng lễ vật cúng tế thành hoàng để ngài phù hộ cho mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu.

2. Thời gian và không gian lễ hội

Hàng năm, dân làng Xuân Nung tổ chức 5 kỳ hội lễ:

+ Ngày mùng 7 tháng Giêng: Lễ Cầu may. Mỗi suất đình trong làng đều tự giác đóng góp tiền, gạo. Trong lễ này, người ta tế thần hoàng làng mong ngài phù hộ độ trì cho năm mới gặp nhiều may mắn.

+ Ngày mùng 3 tháng 4: lễ Hạ điền (xuống đồng). Lễ này nhằm mục đích chính là tế thổ thần để cầu xin thần phù hộ cho việc sản xuất thành công và mùa màng bội thu.

+ Ngày 13 tháng 7: lễ Thượng điền. Sau khi cày cấy gieo trồng xong, dân làng tập trung làm lễ "Cầu siêu" (cầu cho mưa thuận gió hoà, cây cối tốt tươi, mùa màng thịnh vượng).

+ Vào dịp tháng 8 hàng năm: lễ Cơm mới. Sau khi thu hoạch mùa màng, dân làng lại tập trung tại đình để làm lễ cúng thành hoàng làng, để tạ ơn thần vì đã phù hộ cho họ có một vụ mùa bội thu.

+ Ngày mồng 3 tháng 11: lễ Tắt niên. Lễ này tổng kết những việc đã làm được trong năm và đón chào một năm mới hứa hẹn nhiều may mắn.

Các lễ hội trên đều được tổ chức tại đình làng Xuân Nung nhưng ở đây tác giả chỉ đề cập đến ngày hội lớn nhất là ngày 7 tháng Giêng.

3. Chuẩn bị cho lễ hội

Hiện nay, để tổ chức lễ hội, luôn có sự kết hợp giữa bộ máy điều hành lễ hội và bộ máy quản lý đình Xuân Nung. Bộ máy điều hành lễ hội gồm Phòng Văn hoá thông tin thể thao huyện Yên Thế kết hợp cùng Ban Văn hoá xã và Bộ máy quản lý khu di tích đình - chùa Xuân Nung.

Bộ máy quản lý đình Xuân Nung bao gồm một ông thầy mo, một ông *xôn đình* (thủ quỹ - được bầu theo chu kỳ hàng năm và luân chuyển, lần lượt hết hộ này đến hộ khác), các cụ cao niên, trưởng bản. Những người này có nhiệm vụ trông coi ngôi đình. Ngoài ra, mỗi người trong nhóm còn có những trách nhiệm cụ thể. Thầy mo giữ nhiệm vụ quan trọng nhất là cúng đình vào các ngày lễ tết. Đồng thời, ông cũng lập một bàn thờ riêng tại gia đình để thắp hương vào ngày mùng 1 và 15 (âm lịch) hàng tháng. Ông *xôn đình* có nhiệm vụ đi tới từng gia

đình thu tiền đóng góp để chuẩn bị cho ngày hội lễ của đình làng.

Trưởng bản tuyển chọn những thanh niên khoẻ mạnh để chuẩn bị sửa chữa di tích, các loại đạo cụ dùng trong lễ hội. Các cụ cao niên trong làng có nhiệm vụ luyện tập cho con cháu hát sinh ca để hát giao duyên trong đêm hội xuân tại sân đình. Đoàn thanh niên, hội phụ nữ chuẩn bị các tiết mục văn nghệ, trò chơi để giao lưu trong phần hội.

Trong hội đình Xuân Nung, lễ vật cúng gồm: thịt lợn, xôi, các thứ bánh ngon, một mâm oản được làm từ bột gạo nếp, một mâm hoa quả, rượu, thịt gà... được bày đặt khéo léo, tượng trưng cho trời đất, cỏ cây hoa lá... Chúng đều là những sản phẩm nông nghiệp mà người dân tự làm ra. Ngoài ra, dân làng còn dâng cho các vị thần thánh 4 con ngựa giấy với ý nghĩa biểu trưng là phương tiện đi lại của các vị thần thánh.

4. Hoạt động của lễ hội

4.1. Nghi thức tế lễ

Nghi thức này là một hợp phần của các lễ thức trong lễ hội. Chúng gồm có các lễ được thực hiện theo trình tự sau:

Lễ rước nước: Là nghi lễ được cử hành vào ngày mùng 6 tháng Giêng (trước khi mở hội một ngày). Làng cử một số người ra giếng làng múc nước đổ vào chiếc chóc sứ, rồi đưa lên kiệu rước về đình để lễ thần.

Lễ tắm dục: Là lễ tắm rửa thân vị của hai vị Cội vương Cao Sơn và Quý Minh, được cử hành trước khi cúng tế. Việc này do những người cẩn thận và đức độ đảm trách. Thân vị được tắm bằng nước sạch vừa rước về, sau đó lại tắm thêm nước ngũ vị cho thơm.

Nghi thức tế lễ: Thực hiện cúng lễ là ông thầy mo với bài cúng, tế, khấn bằng giai điệu văn tế, tấu, xướng... nói về thời gian, địa

điểm, thành phần các đồ lễ dâng tế thần, tấm lòng thành kính hướng về cội nguồn của dân làng. Người chủ tế phải thể hiện trong bài cúng ý nguyện của dân làng với các đấng thần linh: cầu mong trời đất, thần linh phù hộ độ trì cho gia trạch bình an, vạn sự như ý, đất nước yên bình, người người mạnh giỏi, sống chan hoà hạnh phúc, mùa màng bội thu, cầu cho mưa thuận gió hoà...

Lễ rước kiệu: Sau khi tế xong lần một, ông thầy mo khẩn khẩn xin thần cho đám rước kiệu bài vị thần đi từ nghề (ăn sắc) về đình và khi tan hội lại rước kiệu về chỗ cũ. Trật tự đám rước được tuân thủ như sau: Đi đầu là nhóm người cầm cờ, tiếp theo là biển, sau đó là chiêng, trống, chấp kích, phường nhạc, long đình, long kiệu, bô lão, quan chức của làng và sau cùng là dân làng. Dân làng Xuân Nung coi đám rước là thể hiện sức mạnh của làng, là tinh hoa của ngày hội nên thường được chuẩn bị rất chu đáo.

Đại tế: Đây là lễ nghi quan trọng trong lễ hội. Nghi lễ đại tế (tức tế lần thứ hai) được thực hiện ngay sau khi đã rước kiệu về lại chỗ ban đầu. Tại lễ này dân làng thường mổ bò làm vật tế phẩm dâng cúng thành hoàng làng. Đại tế do Ban tế lễ gồm nhiều người thực hiện. Đứng đầu ban tế là vị chủ tế (thầy mo) điều hành trong suốt buổi lễ. Mục đích của đại tế là thỉnh mời và đón thần thành hoàng về dự hội để dân làng chúc tụng, tỏ lòng biết ơn vì đã che chở cho làng mình. Khác với cúng tế thông thường, đại tế phải có âm nhạc kèm theo. Dân làng Xuân Nung dùng các đạo cụ trong đại tế như: chiêng, trống, chũm chọe, kèn...

Sau phần nghi lễ cúng tế, một bữa cơm chung được dọn tại sân đình để mọi người cùng ăn hoặc được chia cho cả làng để ai cũng được hưởng lộc của thần linh ban phát và cả năm mọi người đều mạnh khoẻ, làm ăn

phát đạt. Riêng thầy mo sẽ được biểu lộc để mang về thắp hương tại bàn thờ riêng ở nhà. Phần lộc thầy mo được biểu gồm: thủ lợn, một ít xôi, bánh dày, hoa quả...

Những năm gần đây, do số lượng các cụ cao niên hiểu rõ về lịch sử của đình làng không còn nhiều cùng với sự mở cửa hội nhập, kinh tế thị trường, lễ hội đình Xuân Nung có nhiều biến đổi. Đó là sự biến đổi trong nghi thức cúng tế.

Ngày xưa, trong nội dung nghi lễ có lễ rước kiệu nhưng trong lễ hội ngày nay thì không còn lễ rước kiệu và không qua các bước tế lễ như xưa. Nghi thức tế lễ chỉ do một ông thầy mo cùng một số người điều hành. Thầy mo cúng tế thỉnh mời các vị thần về dự hội và cầu nguyện ngài phù hộ độ trì cho dân làng. Cúng xong thầy mo xin âm dương 3 lần, trong lúc đó người đánh trống sẽ đánh liên tục, đến khi nào thầy mo xin được âm dương mới dừng đánh trống. Phải xin được âm dương thì lễ cúng mới kết thúc và mới được coi là thần linh đã về phù hộ cho dân làng.

Người dân Xuân Nung quan niệm rằng: Nếu năm nào, thầy mo xin 3 lần âm dương được ngay thì năm đó làng sẽ gặp mưa thuận gió hoà, làm ăn phát đạt, người người mạnh khoẻ. Còn nếu xin 3 lần âm dương không thuận thì năm đó dân làng không gặp nhiều may mắn trong sản xuất nông nghiệp. Khi đã xin được âm dương rồi mới được ngã cỗ để dân làng cùng ăn tại sân đình.

4.2. Các trò diễn, trò chơi trong lễ hội

Vào ngày 7 tháng Giêng, sau phần lễ là phần hội có nhiều trò diễn, trò chơi như: Hát sinh ca, ném còn, kéo co, bắn nỏ...

4.2.1. Hát sinh ca

Đây là loại hình dân ca của dân tộc Cao Lan thông qua hình thức hát đối đáp giao duyên. Sinh ca nhằm giải toả tình

thần, bồi đắp tình cảm làm cho con người sống lạc quan, yêu đời và nhân hậu hơn. Vì vậy, nội dung hát sinh ca rất đa dạng, phong phú: Hát mời gọi ở người (*vèo ca*), trai gái giao duyên trong nhà vào ban đêm (*sinh ca ăn hùm*), sinh hát ru (*ú nung*), sinh ca trong đám ma (*ca Ờu*). Trong các nội dung hát trên đây thì bài hát trai gái đối đáp ban đêm là dài nhất (12 tập tương ứng với 12 đêm hát). Nội dung cơ bản của 12 đêm hát đối đáp như sau:

Đêm thứ nhất: Kể sơ qua về nguồn gốc lịch sử di cư của người Cao Lan từ phía Bắc xuống Việt Nam. Sau đó tập trung chủ yếu vào mời chào, đối đáp làm quen và tả lại cuộc đi chơi trên biển bằng thuyền. Đêm hát này có bài mời Lưu Ba đến chứng giám khi bắt đầu hát và tiễn Lưu Ba khi kết thúc đêm hát.

Đêm thứ hai: Nội dung chủ yếu nói về tình cảm con người với thiên nhiên.

Đêm thứ ba: Chủ yếu hát về thời gian - năm, tháng, ngày, giờ, sáng, trưa, chiều, đêm và ước hỏi nhau trong 12 tháng ấy bạn làm gì, ở đâu, có may mắn không.

Đêm thứ tư: Nội dung hát đề cập đến tri thức, tình cảm, hát đối về trăng, sao, đất nước, gia đình, xã hội, văn hoá, tín ngưỡng để thể hiện sự hiểu biết của đối tượng hát.

Đêm thứ năm: Hát về các thần linh như thần sông, thần núi, thần thổ địa để ca ngợi sức mạnh, sự bao dung, che chở cuộc sống yên lành cho dân của các vị thần.

Đêm thứ sáu: Hát về các lễ thức, phong tục tập quán của người Cao Lan đã lập nên từ bao đời nay, khuyến nhủ nhau trong yêu đương, cưới hỏi, đạo lý vợ chồng phải giữ đúng luật làng.

Đêm thứ bảy và đêm thứ tám: Hát về thiên nhiên, địa lý, quan niệm về âm dương ngũ hành, quan niệm về vũ trụ để từ đó biết

chọn hướng nhà, đặt mộ mả, chọn ngày, giờ, làm việc lớn.

Đêm thứ 10, 11 và 12: Liên tục hát về thực tiễn cuộc sống đang diễn ra trong làng, gửi gắm tình cảm đôi lứa vào các cộng đồng ấy khi đã nên duyên vợ chồng.

Đồng bào Cao Lan vẫn lưu truyền câu chuyện dân gian điển hình, gọi là "*Có Lầu Slam*" nghĩa là truyện Lưu Ba (có nơi gọi là Lưu Tam). Nội dung câu chuyện kể về nàng Lưu Ba xinh đẹp, tài hoa, một nữ thần nghệ thuật độc đáo, một thần tượng thơ tình dân tộc Cao Lan.

Vì là thần (*Sénh*) nên đối với người Cao Lan, Lưu Ba cũng thiêng liêng và đầy uy lực như thần núi, thần sông, tồn tại vĩnh hằng. Xưa kia các cụ già thường kể "*Có Lầu Slam*" cho con cháu nghe thâu đêm không hết. Vì các cụ minh hoạ nhiều câu hát sinh ca đã thuộc lòng vào cốt truyện làm cho nó vừa thực, vừa thơ:

*Lầu Slam xu sì dưới nhần mũi
Đầu nhần sấn sắc linh ai ai.*

Tạm dịch:

Lầu Slam là người tài hoa nhất
Dáng hình đẹp tựa ngọc châu sa.

Trong đêm hát thứ nhất có nội dung mở đầu là xin phép gia chủ, chào khách và kết thúc là chia tay tạm biệt. Khi có tốp con trai đến làng mình chơi, tốp nữ chủ động đến nhà có khách và hát ngay khi mới vào nhà:

*Tạp sinh ca tang xin mồn chữ
Xin mồn chữ nhần hò ét lái
Xin mồn chữ nhần hò ét tạo út
Mòi zing sinh ca lưu mấy hai.*

Tạm dịch:

Chúng em đến nhà xin hỏi chủ
Xin hỏi chủ nhà khách nào đây

Xin hỏi các chàng từ đâu đến
Chúng em muốn hát sợ nghĩa sai.

Tốp nam khiêm tốn hát đối lại rằng:

*Xăng chích cô nhàn ziền nằm tay út
Mẩn tại chẵn nhàn dong pắt dong
Mẩn tay chan chẳng dần mấy cáng
Càng tốn thẹn cùng nhệt xăng tọng.*

Tạm dịch:

Hát một bài ca trước chới chủ
Hỏi bác chủ nhà có khách đến
Hỏi bà chủ nhà có khách đến
Cho tôi người trẻ đối người trẻ.

Tốp nữ đáp lại:

*Su hai nhứt sinh sình sên
Eo đi mấy tồn pằng mục sếu út
Kênh tông xây pịn pằng dou vênh
Tuy hẩm su lài kênh dất sênh.*

Tạm dịch:

Câu đồn xin gửi lời chào
Xin mời các bạn lại ngồi bốn bên
Bài ca không hay bạn chớ cười
Có vậy tôi mới nhận lời cùng hát.

Từ vị trí là khách, tốp nam chuyển sang
thế chủ động mời bên nữ hát:

*Tốc chéch san hào mù mời sao
Tốc chéch va mời sao mừng sần
Sần dừng san hò tú sao lực
Sinh có dịu hỏi rừng rừnh vắn.*

Tạm dịch:

Một con khiếu có hót đầu
Hoạ mi hay hót nhưng có đôi
Đôi cao rừng thấp chim hót rồi
Hôm nay tôi đến mời nàng hát.

Sau màn dùng dăng mời chào, chọn
bài hát đã xong, cuộc hát chính thức bắt đầu
vẫn ý tứ, khiêm tốn vốn có của các cô gái
Cao Lan.

*Hai sên sên sất cù nhần ông
Co sì mấy tồn sên mấy háo
Cao sần toi móc dịp dịp hồng
Co sì chệnh tồn sinh chệnh háo.*

Tạm dịch:

Lời đầu on nặng người xưa
Suy đi tính lại vẫn chưa mận mà
Lời ca thua kém mẹ cha
Hát lên chẳng được như lời cổ nhân.

Không đợi tốp nam kịp trả lời, tốp nữ
khích lệ luôn:

*Sinh lài tàu lưu di mà thông
Sinh sất mấy tồn lớn tới ống
Sinh lài tàu lủi di chệnh thông
Sênh sất chệnh tổng lou tới ông.*

Tạm dịch:

Đẹp thay cây lá muôn màu
Lòng em lại thấy phân vân một điều
Chàng ca giọng ngọt hay nhiều
Cổ nhân đã mấy ai theo được nào.

Cứ như vậy, khích lệ bằng lời hát đối
đáp qua lại, cả tốp nam và tốp nữ bước vào
đêm hát thứ nhất - đêm hát làm quen.

Vào dịp đầu xuân, từng tốp trai gái
trong làng gặp gỡ nhau, tìm hiểu nhau qua
lời hát:

*Sờm sờn tẩn, sờn sờn mình quẩy
Sáy say cày hời kết phong làn
Sờm sờn tẩn sờn sờn tẩn nín
Sáy sái cày hời hết pù say.*

Tạm dịch:

Thấy em, anh gọi em quay lại
Gọi nhau đứng lại nói chuyện riêng
Cùng nhau ta hỏi thăm câu
Nếu yêu nhau ta cùng làm đám cưới.

Và họ chúc nhau đầu năm mới:

*Cầu nín củ nín cầu mìn tàu
Xo sán so sáy tới linh giàu
Chả chối cháo mừng tén lớp chốc
Lọp chốc coóng dẫn nển ním cháu
Xà mìn củ nểu sái mìn tàu
Xo sán so sáy tới linh giàu.*

Tạm dịch:

Tháng giêng năm mới mình đi chơi
Mồng 3 tháng 4 mình đi chơi
Chúc cho năm mới làm ăn phát tài
Chúc cho năm mới vui vẻ hạnh phúc
Mùa xuân năm mới mình đi chơi
Mồng 3 mồng 4 mình cùng đi chơi
(Phương Bằng, 1981).

Hát sinh ca là hình thức hát đối đáp, giao duyên nam nữ thanh niên xưa kia khi gặp nhau tại hội xuân. Nhờ hát sinh ca mà có rất nhiều chàng trai cô gái Cao Lan đã kết thành vợ chồng.

Ngày nay, sinh ca vẫn được diễn trong hội đình dưới hình thức là giao lưu giữa thanh niên nam nữ trong làng làm cho không khí hội xuân vui tươi và nhằm giữ gìn nét văn hoá riêng của dân tộc Cao Lan.

4.2.2. Trò chơi ném còn

Ném còn là một trò chơi mang đậm tín ngưỡng phồn thực. Người ta chọn cây tre hoặc cây mai có đủ ngọn và cành lá, không lấy cây cụt ngọn. Họ cho rằng cây cụt ngọn biểu hiện cho sự dang dở, đổ vỡ đến bất thành trong công việc làm ăn. Để dựng còn, người Cao Lan chọn ngày, giờ tốt. Việc dựng còn có ý nghĩa rất cao cả, thiêng liêng. Trong trường hợp này, cây còn được coi như cái trụ vững chắc, biểu hiện sự thẳng thắn và khỏe mạnh của con người; là một gạch nối giữa trời và đất, giữa tầng dưới và tầng trên. Việc chôn còn sâu xuống đất không chỉ làm cây còn thêm vững chắc mà nó còn có ý nghĩa tiếp giáp với phần dưới để truyền tải những sinh

lực của vũ trụ làm cho âm dương đối đãi mà phát sinh, phát triển. Phía trên ngọn cây được dán một mảnh giấy đỏ hình mặt nguyệt. Màu đỏ tượng trưng cho sự thịnh vượng còn hình mặt nguyệt mang yếu tố âm trong tiềm thức của người Cao Lan và tiềm thức này đã trở thành ý niệm của họ. Họ cho rằng cái "còn" là cái không mất; chính vì thế, không mất thì sẽ còn cái còn hình mặt nguyệt mang yếu tố âm, khi đã mang yếu tố âm, tức là trăng có thể sinh ra muôn loài, muôn vật; quả cầu nửa xanh nửa đỏ tượng trưng cho đàn chim phượng hoàng bay lên mặt trăng lấy lúa về làm giống cho dân làng; quả còn đỏ đã lấy được giống lúa từ bà mẹ thế gian này. Người ta sẽ đem quả đỏ vào đình làm lễ tế và sẽ khấn vị thần này phát giống cho họ để việc trồng trọt của họ được bội thu.

4.2.3. Các trò chơi khác

Cùng với hát sinh ca và chơi ném còn, người Cao Lan còn mở hội thi kéo co, bắn nỏ, đấu vật... giữa các bản trong xã Xuân Lương (bao gồm bản Ven, bản Xoan, bản Nghè, bản Đồng Gián).

Ngoài các trò diễn và trò chơi dân gian trên, ngày nay còn có các cuộc thi đấu bóng chuyền, bóng đá nhi đồng giữa các bản trong xã. Sở dĩ có các trò chơi mới trong lễ hội là do sự giao lưu và các bản lân cận có đa số người Kinh sinh sống và do phong trào văn hoá văn nghệ thể thao của xã phát triển, thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu giữa các bản trong xã.

5. Ý nghĩa của lễ hội

Nhân dân Xuân Nung tổ chức hội đình Xuân Nung là để bày tỏ cái tâm thành kính của dân làng đối với các vị thần và cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu. Ý niệm tôn giáo của hội đình xuất phát từ ý niệm cho rằng đất đai cũng như mọi sinh vật

ngày cuối năm và cũng trong thời gian đó thân nông, thân đất tạm thời không ở lại hạ giới. Bên cạnh đó, người dân cũng tin rằng lúa và các loại hoa màu đều có hồn và ngủ yên trong thời gian băng giá, đợi mùa xuân mới bắt đầu tỉnh dậy. Hội đình là để rước thân nông, thân đất trở về; các thân lúa, thân hoa mẫu tỉnh dậy. Nói cách khác là người ta mong đợi muôn vật trở lại bình thường.

Những nghi lễ trong ngày hội có ý nghĩa quan trọng. Người ta chờ đợi sức sống về với muôn vật, chờ giờ phút làm công việc đồng áng và mọi vật sinh sản bình thường. Hội đình Xuân Nung là sự tập trung tín ngưỡng phồn thực và nông nghiệp cổ. Nghi thức ném còn chính là sự phát triển của nghi thức thờ mặt trăng và mặt trời mà đường bay của quả cầu chính là tượng trưng cho sự vận động của thái dương, trong quan niệm của những người luôn phải "trông trời, trông đất, trông mây" để làm nông nghiệp.

6. Vai trò của lễ hội trong đời sống cộng đồng

Đối với nhân dân làng Xuân Nung, hội đình Xuân Nung là món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống của họ. Lễ hội được tổ chức vào dịp đầu xuân. Đây là thời điểm an nhàn để người dân tận hưởng những giá trị văn hoá tinh thần độc đáo của dân tộc mình. Đến với hội đình Xuân Nung, ta có thể hiểu rõ thêm về hát dân ca của dân tộc Cao Lan thông qua hình thức hát sinh ca.

Hội đình Xuân Nung là nơi thể hiện rõ nét những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Cao Lan, là tâm linh của người dân Xuân Nung nói chung, biểu hiện sự thành kính biết ơn công lao của các bậc tiền nhân, các vị thần có công trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Người dân đến với lễ hội

để tạ ơn và nguyện cầu cho một năm mới bình an, mùa màng bội thu.

Hội đình còn là sợi dây thắt chặt tinh thần dân tộc, nghĩa đồng bào. Nó có vai trò cố kết cộng đồng cao. Hội đình trở thành nơi gặp gỡ, giao lưu, tìm hiểu và trao đổi kinh nghiệm giữa người dân trong làng với các làng lân cận. Giã hội, người dân trở về với sự tin tưởng về một năm mới bình an, gặp nhiều thuận lợi trong sản xuất nông nghiệp.

7. Nhận xét và khuyến nghị

Hội đình Xuân Nung cho ta thấy được những giá trị văn hoá độc đáo của dân làng Xuân Nung và tiêu biểu là những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Cao Lan: tín ngưỡng thờ thành hoàng làng, các tín ngưỡng liên quan đến nông nghiệp, tín ngưỡng phồn thực, cầu mùa, hát sinh ca.

Nhờ có lễ hội hàng năm mà ngôi đình Xuân Nung luôn nhận được sự quan tâm của dân làng. Bởi lẽ đối với họ, đình Xuân Nung là mảnh trời thiêng liêng của Thần, là chốn đi về của tổ tiên. Dân làng đến với Hội đình, đến với đình Xuân Nung là để thể hiện lòng biết ơn công lao của tổ tiên, của các vị thần. Thông qua các hoạt động của lễ hội để giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống văn hoá của dân tộc cho các thế hệ mai sau. Lễ hội là nơi gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Hơn thế nữa, khu di tích đình làng Xuân Nung còn là một điểm du lịch hấp dẫn thu hút khách du lịch trong và ngoài địa phương đến thăm quan. Ngày nay khi đến thăm làng Xuân Nung, du khách sẽ không khỏi ngỡ ngàng bởi một ngôi làng cổ chìm sâu trong trùng điệp rừng núi, ở giữa mọc lên một quần thể di tích Đình - Chùa tĩnh mịch thăm nghiêm từ xa xưa để lại.

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực đó, còn có những mặt tiêu cực ít nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội. Đó là sự nảy sinh các hiện tượng xã hội không lành mạnh và nguy cơ thương mại hoá trong lễ hội, như xem bói, xem tướng số, hoạt động của một số người ăn xin. Cứ đến ngày mở hội, có rất nhiều người về hội để tranh thủ lòng nhân ái của du khách dự hội. Những hoạt động thiếu văn hoá, không lành mạnh đó làm mất mỹ quan của lễ hội.

Cũng như tất cả các lễ hội khác trên đất nước, trong lễ hội thường có nhiều hoạt động thương mại. Hội đình Xuân Nung cũng vậy: tất cả các mặt hàng đều được bày bán trong ngày diễn ra lễ hội chủ yếu là mặt hàng giải khát, các hàng khuyến mại. Bên cạnh việc đem lại nguồn thu góp phần cải thiện đời sống cho những người tham gia vào hoạt động kinh doanh này, hoạt động thương mại sẽ làm giảm phần nào sự uy nghiêm, linh thiêng, trang trọng của lễ hội bởi rác thải của đồ ăn, đồ uống vứt một cách tùy tiện; tiền gửi phương tiện giao thông với giá cao hơn mức bình thường.

Ngày nay, do sự giao thoa văn hoá, mở cửa hội nhập, kinh tế thị trường đang tác động đến sự biến đổi trong nghi thức tế lễ, không còn các nghi thức rước kiệu cũng như diễn tích trò có liên quan đến lịch sử hình thành và phát triển đình làng. Vì vậy, nhiều thế hệ trẻ không hiểu rõ về lịch sử lập làng. Hơn nữa, họ cũng chưa thấy hết được những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc mình do ít nhiều bị mai một. Do vậy, đối với cộng đồng, đoàn thể quần chúng, họ cần được tuyên truyền giáo dục về truyền thống cách mạng và yêu nước của dân tộc. Cần tổ chức họp cộng đồng theo định kỳ để các cụ cao niên kể cho con cháu về lịch sử của di tích liên quan đến lễ hội. Cần tổ chức dạy

cho thanh niên nam nữ biết hát sinh ca Cao Lan để biểu diễn trong lễ hội.

Đối với ngành văn hoá - thông tin, công tác tổ chức và quản lý lễ hội cần được giám sát chặt chẽ; cần đào tạo nghiệp vụ quản lý lễ hội cho các chức sắc trong bộ máy quản lý di tích đình Xuân Nung. Ngành văn hoá - thông tin phải quản lý tốt về các hoạt động văn hoá trong lễ hội, đưa hoạt động văn hoá lành mạnh vào lễ hội và cần nghiêm cấm các hoạt động văn hoá không lành mạnh đã xảy ra.

Đối với các cấp chính quyền địa phương cần ra các quyết định hành chính có liên quan đến lễ hội, đầu tư về cơ sở vật chất phục vụ cho việc tổ chức lễ hội để bảo tồn và phát huy tính ưu việt của lễ hội.

Tài liệu tham khảo

1. Phương Bằng (1981), *Dân ca Cao Lan*, Nxb Văn hoá, Hà Nội.
2. Hoàng Minh Hồng (2005), *Báo cáo khảo sát khu di tích đình làng Xuân Nung*, Báo cáo của Bảo tàng dân tộc Bắc Giang.
3. Trần Văn Lạng và Bùi Văn Thành (2005), *Bước đầu tìm hiểu các truyền thống văn hoá dân tộc của bảo tàng Bắc Giang*.
4. Lâm Quý (2003), *Xịnh ca Cao Lan*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
5. Trần Linh Quý (2003), *Báo cáo về lễ hội của các dân tộc Bắc Giang*, Báo cáo của Bảo tàng dân tộc Bắc Giang.
6. Lâm Quý (2004), *Văn hoá Cao Lan*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Thịnh, Phú Ninh (1999), *Văn hoá truyền thống Cao Lan*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
8. Lê Trung Vũ (2005), *Lễ hội Bắc Giang những vấn đề cần bảo tồn và phát triển*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.